

Bản án số: 56/2019/DS-ST

Ngày: 27/02/2019

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Tốt
2. Ông Nguyễn Văn Tiên

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Khôi-Thư ký Tòa án nhân dân Quận N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Châu-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận N.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 467/2016/TLST-DS ngày 07/12/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 29/01/2019 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP

Địa chỉ: 236 NKKN, P 6, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

-Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hồng Hải, sinh năm: 1969 (Theo giấy ủy quyền số 1441/UQ-CSVN ngày 25/10/2018).

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ **Bị đơn:** Ông Lê Duy H, sinh năm: 1980

Bà Phạm Mỹ H, sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: 638/111 NAT, Tổ 47, Khu phố 7, phường HT, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/5/2010, ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H ký hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD ngày 25/5/2010, vay của công ty Tài chính TNHH Một thành viên CSVN (nay đã sáp nhập vào Tập đoàn Công nghiệp CSVN và đã đổi

tên thành Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP), số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (từ 26/5/2010-26/5/2011), tiền nợ gốc trả vào cuối kỳ, lãi suất cho vay trong hạn 16,20%/ năm và được thay đổi 3 tháng/1 lần. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 4.574m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 1991 tờ bản đồ số 13 tại xã TP, huyện LT, tỉnh ĐN ( giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H 02183 do UBND huyện LT tỉnh ĐN cấp ngày 22/11/2006 cho ông Lê Duy H), hợp đồng thế chấp số 123/2010/HĐTC-TCCS-TD ngày 25/5/2010. Sau khi nhận tiền vay, ông H và bà H trả được 69.750.000 đồng thì ngưng. Sau khi hợp đồng đến hạn , mặc dù công ty đã thông báo đến ông Hòa và bà Hạnh nhưng cả hai vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP yêu cầu ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H trả các khoản sau, tạm tính đến ngày xét xử:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng,
- Lãi trong hạn: 16.041.667 đồng,
- Lãi quá hạn là 794.628.998 đồng.

Trong trường hợp không trả được nợ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP rút yêu cầu về lãi phạt chậm trả 5% là 802.083 đồng.

\* Bị đơn-ông Lê Duy H trình bày ý kiến:

Ông và bà Phạm Mỹ H không phải là người cần vay tiền mà người cần vay là bà Nguyễn Thị M (nay không biết ở đâu), do vậy ông và bà Hạnh đứng tên vay tiền giúp bà Mộng 500.000.000 đồng từ công ty Tài chính TNHH Một thành viên CSVN. Ông yêu cầu nguyên đơn liên hệ bà Mộng để bà Mộng trả tiền, và nguyên đơn có trách nhiệm trả cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H 02183. Tuy nhiên ông có thể tạm ứng trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng trả đề nguyên đơn giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần lãi mà nguyên đơn yêu cầu ông không đồng ý trả, phần lãi ông đề nghị nguyên đơn yêu cầu bà Mộng trả.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[1] Điều 2 Quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập công ty Tài chính TNHH Một thành viên CSVN vào Công ty mẹ-Tập đoàn Công nghiệp CSVN và theo Quyết định số 2090/QĐ-TTg ngày 26/12/2017 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần công ty mẹ-tập đoàn Công nghiệp CSVN; Từ đó thể hiện Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP được kế thừa các quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích từ công ty Tài chính TNHH Một thành viên CSVN đã xác lập và còn tồn tại để tiếp tục xử lý thu hồi nợ và trả nợ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP có quyền khởi kiện ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H để bảo vệ quyền lợi cho mình.

[2] Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP yêu cầu ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H hoàn trả cho ngân hàng số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H có nơi cư trú tại 638/111 Nguyễn Ảnh Thủ (Bùi Văn Ngừ), Tổ 47, Khu phố 7, phường Hiệp Thành, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh nên theo điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn cư trú tại Quận N nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N.

[4] Tòa án đã tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không lý do nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn;

*-Về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H phải trả tổng các khoản nợ là 1.310.670.665 đồng*

[5] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD ngày 25/5/2010, hợp đồng thế chấp số 123/2010/HĐTC-TCCS-TD ngày 25/5/2010, giấy đề nghị giải ngân ngày 26/5/2010, khế ước nhận nợ vay số 01 ngày 26/5/210, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 27/5/2010, thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện ký kết hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ số tiền vay 500.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng người vay tiền là bà Nguyễn Thị Mộng nhưng không có chứng cứ, như vậy bị đơn chính là bên vay nên theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, bị đơn phải trả đủ nợ gốc khi đến hạn và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD.

[6] Bị đơn không chứng minh đã hoàn trả nợ lãi trong hạn, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả 69.750.000 đồng nợ lãi trong hạn nên theo Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bị đơn đã trả 69.750.000 đồng nợ lãi trong hạn.

[7] Điều 3 hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD ngày 25/5/2010 thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay được thay đổi 3 tháng/1 lần và khi điều

chỉnh lãi suất, bên cho vay sẽ gửi thông báo điều chỉnh lãi suất cho bên vay. Nguyên đơn không có chứng cứ thể hiện đã gửi thông báo điều chỉnh lãi suất cho bên vay nên bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi trong hạn, lãi quá hạn cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại Điều 3 hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD.

Điều 3 hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 16,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, việc thỏa thuận này là tự nguyện nên theo quy định tại Điều 4 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 thỏa thuận này là phù hợp pháp luật nên các bên phải thực hiện.

Lãi trong hạn là  $500.000.000 \times 16,2\% = 81.000.000$  đồng, bị đơn đã trả 69.750.000 đồng nên có trách nhiệm trả thêm 11.250.000 đồng.

Lãi quá hạn kể từ ngày đến hạn 26/5/2011 đến nay, theo hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD ngày 25/5/2011 thì lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay, tức là 24,3%/năm. Do vậy bị đơn phải trả lãi quá hạn đến ngày xét xử là:  $500.000.000 \times 24,3\% \times 7,75 = 941.625.000$  đồng. Nguyên đơn cho rằng sau ngày đến hạn nhưng phía ngân hàng có điều chỉnh lãi suất nên nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCSTD tính đến ngày xét xử là 794.628.998 đồng. Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn phải trả nợ lãi quá hạn 794.628.998 đồng, thay vì 941.625.000 đồng, là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 794.628.998 đồng.

Như vậy bị đơn phải trả cho nguyên đơn: nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 11.250.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 794.628.998 đồng, tổng cộng 1.305.878.998 đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên vốn gốc 500.000.000.000 đồng từ ngày xét xử sơ thẩm 27/02/2019 cho đến khi thi hành xong bản án theo các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD ngày 25/5/2011.

[9] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 123/2010/HĐTC-TCCS-TD ngày 25/5/2010 tại UBND xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/5/2010 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Do đó hợp đồng thế chấp số 123/2010/HĐTC-TCCS-TD ngày 25/5/2010 đã được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Biên Hòa, có hiệu lực pháp luật.

Theo Điều 351 Bộ luật Dân sự, yêu cầu của nguyên đơn về việc sử dụng tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là có cơ sở.

Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nói trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[9] Nguyên đơn rút yêu cầu lãi phạt chậm trả nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[10] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 1.305.878.998 đồng, án phí là 51.176.370 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu nợ lãi trong hạn 16.041.667 đồng không được chấp nhận một phần, án phí là 300.000 đồng; căn trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp và hoàn phần còn dư cho nguyên đơn.

*Bôûi cauc leõ treân;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 79, khoản 2 Điều 80, điểm b khoản 2 Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011);

- Áp dụng các Điều 351, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 91 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc ông Lê Duy H và bà Phạm Mỹ H hoàn trả cho Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP các khoản sau:

- Nợ gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng,

- Nợ lãi trong hạn 11.250.000 (mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng,

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 794.628.998 (bảy trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn chín trăm chín mươi tám) đồng;

Tổng cộng là 1.305.878.998 ( một tỷ ba trăm lẻ năm triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm chín mươi tám) đồng.

1.2. Tiền lãi tiếp tục được tính trên vốn gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng từ ngày 27/02/2019 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 97/2010/HĐTH-TCCS-TD ngày 25/5/2011 được ký kết giữa công ty Tài chính TNHH Một thành viên CSVN và ông Lê Duy H, bà Phạm Mỹ H.

1.3. Nếu ông Lê Duy H, bà Phạm Mỹ H không thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 4.574m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 1991 tờ bản đồ số 13 tại xã TP, huyện LT, tỉnh ĐN (giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H 02183 do UBND huyện LT, tỉnh ĐN cấp ngày 22/11/2006 cho bà Nguyễn Thu Hồng, đăng ký thay đổi cho ông Lê Duy H vào ngày 04/02/2008) để thi hành án.

1.4. Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải trả nợ lãi trong hạn 16.041.667 đồng.

## 2. Về án phí:

Ông Lê Duy H, bà Phạm Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.176.370 (năm mươi một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi) đồng.

Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền án phí đã nộp là 23.040.156 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0023362 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N. Hoàn trả cho Tập đoàn Công nghiệp CSVN-Công ty CP tiền tạm ứng án phí 22.740.156 (hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn một trăm năm mươi sáu) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

### **Nơi nhận:**

- VKSND Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Nga**